

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HS-PT
Ngày 18 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung Vân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Lộc Sơn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Tổng Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2018/TLPT-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Trịnh Văn L do có kháng cáo của bà Dương Thị K là bị hại và ông Nguyễn Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2018/HS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn

- Bị cáo bị kháng cáo:

Trịnh Văn L, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1985, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Y, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T (đã chết) và con bà Hoàng Thị T; có vợ; con chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 16/10/2017 đến ngày 27/10/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

1. Bị hại: Bà Dương Thị K, sinh năm 1950; nơi đăng ký hộ khẩu: Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Anh Trịnh Văn C; vắng mặt.
2. Anh Nông Văn Đ; vắng mặt.
3. Bà Trịnh Thị Q; có mặt.
4. Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 03/02/2002, người đại diện hợp pháp là bà Trịnh Thị Q (là mẹ của chị Nguyễn Thị Mỹ T); có mặt.
5. Ông Tô Vĩnh T; có mặt.
6. Anh Trịnh Văn C2; vắng mặt.
7. Chị Đường Thị A; vắng mặt.
8. Anh Bùi Văn H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 07/7/2017, ông Nguyễn Văn S và bà Trịnh Thị Q xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, xô xát với nhau về vấn đề đất đai giữa hai gia đình. Khi sự việc kết thúc, bà Dương Thị K gọi ông Nguyễn Văn S đến nhà cùng ăn sáng với ông Tô Vĩnh T (chồng bà Dương Thị K) và cháu nội bà Dương Thị K là Tô Quốc K. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, Trịnh Thị Q gọi điện cho em trai và em rể là Nông Văn Đ, Trịnh Văn C, Trịnh Văn L và Trịnh Văn C2 đến nhà. Đến nơi, Nông Văn Đ, Trịnh Văn C2 và Trịnh Văn C ở trong nhà bà Trịnh Thị Q cùng với con gái bà Trịnh Thị Q là Nguyễn Thị Mỹ T, còn Trịnh Văn L và Trịnh Thị Q đứng ngoài sân nói chuyện. Khoảng 08 giờ cùng ngày, bà Trịnh Thị Q đi bộ đến đứng ở vỉa hè trước nhà bà Dương Thị K gọi ông Nguyễn Văn S ra ngoài để nói chuyện nhưng ông Nguyễn Văn S không ra. Khoảng 10 phút sau, Trịnh Văn L cũng đến đứng cùng bà Trịnh Thị Q. Bà Dương Thị K đứng ra gian nhà ngoài để can ngăn bà Trịnh Thị Q và người nhà bà Trịnh Thị Q. Ông Nguyễn Văn S được bà Dương Thị K nhờ chẻ lạt gói bánh nên trên tay đang cầm một con dao, bà Trịnh Thị Q liền hô to “ông S cầm dao định giết người à” thì Nông Văn Đ, Trịnh Văn C, Trịnh Văn C2 và Nguyễn Thị Mỹ T nghe vậy cũng từ nhà bà Trịnh Thị Q đến nhà bà Dương Thị K. Bà Dương Thị K lấy con dao trên tay ông Nguyễn Văn S cắt vào trong bếp. Bà Trịnh Thị Q vẫn tiếp tục gọi ông Nguyễn Văn S ra ngoài nhưng ông Nguyễn Văn S không ra. Bị cáo Trịnh Văn L đi vào nhà bà Dương Thị K, giăng co, dùng tay kéo đẩy ông Nguyễn Văn S ra gian ngoài hướng ra khỏi quán. Bà Dương Thị K đang đứng ở ngoài cùng quay mặt vào trong nhà can ngăn không cho Trịnh Văn L đẩy ông Nguyễn Văn S ra ngoài và nói “hôm nay

ngày rằm, không được đánh nhau trong nhà bà”. Thấy bà Dương Thị K can ngăn nhưng Trịnh Văn L vẫn tiếp tục dùng hai tay đẩy mạnh vào ngực ông Nguyễn Văn S để ra ngoài làm ông Nguyễn Văn S mất thăng bằng lùi lại phía sau và ngã va trúng vào người bà Dương Thị K khiến ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thị K bị ngã xuống vỉa hè trước nhà thấp hơn nền nhà 18cm. Bị cáo Trịnh Văn L dùng chân phải đá vào mặt ông Nguyễn Văn S hai phát. Bà Dương Thị K bị ngã không tự đứng đi lại được nên được Tô Quốc K cùng mọi người đưa vào trong nhà rồi được đưa đến Bệnh viện Đa khoa Lạng Sơn cấp cứu và điều trị; ông Nguyễn Văn S được con dâu là Lê Thị N đưa về nhà sau đó đến Bệnh viện Đa khoa Lạng Sơn khám.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 190/2017/TgT ngày 29/8/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Văn S là 0%.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 191/2017/TgT ngày 29/8/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Dương Thị K hiện tại là: “Sẹo hai vết mổ, tỷ lệ: 10%; gãy mỏm khuỷu tay trái, tỷ lệ: 11%; gãy cổ xương đùi đã thay chỏm nhân tạo, tỷ lệ: 35%”. Tổng tỷ lệ cộng lùi 48%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2018/HS-ST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định.

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 134; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trịnh Văn L 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

- Buộc bị cáo Trịnh Văn L phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà Dương Thị K tổng số tiền là 231.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 50.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 181.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Trịnh Văn L phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông Nguyễn Văn S số tiền 2.388.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 1.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 1.388.000 đồng.

3. Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 9.119.000đ (chín triệu một trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi suất nếu chậm thi hành án.

Ngày 22/02/2018, người bị hại bà Dương Thị K có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, tăng mức bồi thường đối với bị cáo và cho rằng cấp sơ

thảm bỏ lọt người phạm tội; Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo là không đúng, vì bị cáo không thành khẩn khai báo, không tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; đồng thời đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, d, h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

Ngày 23/02/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn S giữ nguyên kháng cáo.

Bà Dương Thị K yêu cầu xử phạt bị cáo 06 năm tù giam; yêu cầu bồi thường thêm số tiền là 293.400.000 đồng; tăng thời gian tính thiệt hại lên 02 tháng để tính thu nhập của người bị hại, người phục vụ và tiền bồi dưỡng sức khỏe; tiền mua bím trong thời gian điều trị là 2.400.000 đồng;

Ông Nguyễn Văn S: Yêu cầu tăng mức bồi thường lên 19.000.000 đồng, gồm tiền mất thu nhập trong thời gian 02 tháng, mỗi tháng là 6.000.000 đồng và tiền mua thuốc điều trị là 7.000.000 đồng;

Bị cáo Trịnh Văn L: Chấp nhận bồi thường thêm số tiền 2.400.000 tiền mua bím bà Dương Thị K yêu cầu; các nội dung kháng cáo khác không chấp nhận đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Bị cáo Trịnh Văn L có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có đủ điều kiện cho hưởng án treo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trịnh Văn L 36 tháng tù cho hưởng án treo là có căn cứ. Đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo, không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bà Dương Thị K.

Về mức bồi thường thiệt hại: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Dương Thị K số tiền là 231.000.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Văn S 2.388.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường thêm cho bà Dương Thị K khoản tiền chi phí mua bím là 2.400.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định, sửa án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại đối với bà Dương Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo Trịnh Văn L đều thừa nhận thương tích của bà Dương Thị K do mình gây ra. Bản thân bà Dương Thị K và ông Tô Vĩnh T (chồng bà Dương Thị K) cũng khẳng định bị cáo Trịnh Văn L là người gây thương tích cho bà Dương Thị K. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trịnh Văn L phạm tội cố ý gây thương tích là có căn cứ, đúng

người, đúng tội. Bị cáo không kháng cáo, người bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về tội danh nên quyết định về tội danh đối với bị cáo Trịnh Văn L đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Tỷ lệ thương tật của bà Dương Thị K là 48%, hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện vào ngày 07/7/2017 nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; theo Bộ luật Hình sự năm 2015 thì thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134. Do quy định mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi hơn so với khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên bản án sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo Trịnh Văn L là có căn cứ. Tuy nhiên khi viện dẫn điều luật cần ghi đầy đủ quy định của cả hai bộ luật và quy định chuyển tiếp tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Bản án sơ thẩm chỉ viện dẫn căn cứ là khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là thiếu chặt chẽ, nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại bà Dương Thị K:

[4] Thứ nhất, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Dương Thị K đều khẳng định người gây thương tích cho bà là Trịnh Văn L. Tại phiên tòa phúc thẩm bà tiếp tục khẳng định chỉ có bị cáo Trịnh Văn L đẩy và gây thương tích cho bà, những người khác có xông vào nhà nhưng không gây thương tích cho bà; ông Tô Vĩnh T (chồng bà Dương Thị K) cũng khẳng định chỉ có bị cáo Trịnh Văn L đẩy làm ngã bà Dương Thị K. Như vậy, có căn cứ xác định chỉ có bị cáo Trịnh Văn L gây thương tích cho bà Dương Thị K. Bà Dương Thị K kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt người phạm tội là không có căn cứ;

[5] Thứ hai, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trịnh Văn L đã thành khẩn khai báo, nhận lỗi và gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện nộp số tiền 51.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L để khắc phục hậu quả cho bà Dương Thị K và ông Nguyễn Văn S (bút lục số 66; 277; 278; 279); sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện L số tiền là 5.000.000 đồng để bồi thường cho người bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo Trịnh Văn L các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b và điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ. Việc bà Dương Thị K kháng cáo đề nghị không áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b và p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là không có căn cứ.

[6] Thứ ba, như đã phân tích tại mục [4] nêu trên ngoài bị cáo không có ai khác gây thương tích cho bà Dương Thị K; bị cáo không có đồng phạm, hành vi không có tính chất côn đồ và theo tiểu mục 2.4 mục 2 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định “Người già” được xác định là người từ 70 tuổi trở lên. Bà Dương Thị K, sinh năm 1950, vào thời điểm xảy ra vụ việc bà Dương Thị K 67 tuổi. Do vậy việc bà Dương Thị K đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình

sự đối với bị cáo theo quy định tại các điểm a, d, h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là không có cơ sở.

[7] Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; có khả năng tự cải tạo; Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L cũng xác nhận trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy ước hương ước của địa phương và đề nghị cho bị cáo hưởng án treo (bút lục số 280). Xét về mức độ phạm tội; nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; hoàn cảnh gia đình và đối chiếu với các quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 về án treo, thì có đủ điều kiện cho bị cáo Trịnh Văn L hưởng án treo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trịnh Văn L 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng là có căn cứ. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại, giữ nguyên mức hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo. Nhận định này cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa.

[8] Về mức bồi thường thiệt hại đối với bà Dương Thị K: Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo Trịnh Văn L phải bồi thường cho bà Dương Thị K tổng số tiền là 231.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu đồng), gồm các khoản: Tiền thuê ô tô đi Bệnh viện tỉnh Lạng Sơn và về nhà: 2.000.000 đồng; tiền thuê ô tô đi giám định và về nhà + lệ phí là: 3.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần tương ứng với 50 tháng lương cơ bản là 65.000.000 đồng; tiền mua khớp háng bán phân không xi măng là 67.000.000 đồng; tiền mua xe hỗ trợ tập và giường nằm là 10.000.000 đồng; tiền công mất thu nhập của người bị hại là 200.000đ/ngày x 30 ngày x 7 tháng = 42.000.000 đồng; tiền công mất thu nhập của người phục vụ là 150.000đ/ngày x 30 ngày x 7 tháng = 31.500.000 đồng; tiền bồi dưỡng sức khỏe là 50.000đ/ngày x 30 ngày x 7 tháng = 10.500.000 đồng. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận các khoản thiệt hại như trên là có căn cứ và hợp lý.

[9] Đối với các khoản thiệt hại mà bà Dương Thị K kháng cáo yêu cầu tăng:

[10] Một, đối với khoản tiền công mất thu nhập của người bị hại: Theo kết quả xác minh thu nhập bình quân của người lao động phổ thông tại địa bàn xã Y, huyện Lộc Bình là 200.000đ/người/ngày (bút lục số 86). Do vậy, bà Dương Thị K yêu cầu tiền mất thu nhập 300.000đ/ngày là không có căn cứ;

[11] Hai, theo tài liệu điều trị của bà Dương Thị K tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn bà là bệnh nhân chăm sóc cấp II (bút lục số 50->58), Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khoản tiền mất thu nhập của một người phục vụ là phù hợp. Tại đơn yêu cầu bồi thường đề ngày 24/11/2017 bà Dương Thị K yêu cầu cụ thể chi phí cho người phục vụ là 150.000đ/người/ngày x 5 tháng (bút lục số 256). Do vậy, bà Dương Thị K yêu cầu tiền mất thu nhập của hai

người phục vụ trong 03 tháng đầu, một người phục vụ trong 04 tháng tiếp theo với mức 200.000đ/người/ngày là không có căn cứ;

[12] Ba, đối với khoản chi phí mua bím trong thời gian điều trị: $120.000\text{đ}/\text{bịch} \times 20 \text{ bịch} = 2.400.000 \text{ đồng}$. Đây là khoản cho phí hợp lý đối với tình trạng thương tích của bà Dương Thị K. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo chấp nhận bồi thường khoản chi phí này.

[13] Bốn, tại phiên tòa sơ thẩm bà Dương Thị K có yêu cầu tính thiệt hại đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 07 tháng và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào yêu cầu của người bị hại và các tài liệu đã cung cấp, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận thiệt hại của bà Dương Thị K trong thời hạn 07 tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Thị K cho rằng hiện nay sức khỏe của bà chưa bình phục nên yêu cầu tính thêm tiền thiệt hại thêm hai tháng nữa. Xét thấy, đây là khoản yêu cầu khởi kiện bổ sung sau khi xét xử sơ thẩm, nên không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm. Nếu có căn cứ chứng minh thiệt hại ngoài những khoản đã yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết trong vụ án này thì bà Dương Thị K phải khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[14] Bởi các phân tích trên, đối với yêu cầu kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại của bà Dương Thị K, chỉ chấp nhận khoản tiền chi phí mua bím là 2.400.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bà Dương Thị K là 233.400.000 đồng (tăng thêm 2.400.000 đồng so với cấp sơ thẩm). Khoản tiền tăng thêm này, tại đơn yêu cầu bồi thường cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Dương Thị K không nêu cụ thể từng khoản chi phí, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở xem xét, đánh giá. Tại cấp phúc thẩm bà Dương Thị K mới yêu cầu cụ thể tiền chi phí mua bím và bị cáo đã chấp nhận bồi thường nên việc chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Thị K, sửa mức bồi thường là do có tình tiết mới.

[15] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S. Ông Nguyễn Văn S yêu cầu tăng mức bồi thường, cụ thể yêu cầu bị cáo Trịnh Văn L phải bồi thường tổng số tiền là 19.000.000 đồng, gồm 7.000.000 đồng tiền thuốc khám và điều trị; tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị là 02 tháng $\times 6.000.000\text{đồng} = 12.000.000\text{đồng}$. Xét thấy, kết quả xác minh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn, ông Nguyễn Văn S có đến Bệnh viện khám nhưng không có thương tích gì; ông Nguyễn Văn S không làm hồ sơ nhập viện nội trú, ngoại trú. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn chỉ cung cấp những giấy tờ khám bệnh. Tài liệu ông Nguyễn Văn S cung cấp được 04 có hóa đơn khám và mua thuốc với tổng số tiền là 988.000 đồng (bút lục số 80->83); Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ số tiền chi phí theo 04 hóa đơn nêu trên; chi phí đi lại, tiền mất thu nhập trong thời gian hai ngày với tổng số tiền 2.388.000 đồng là có căn cứ. Các khoản khác như tiền mất thu nhập trong thời gian hai tháng, tiền mua thuốc điều trị ông Nguyễn Văn S không đưa ra được căn cứ chứng minh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S.

[16] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trịnh Văn L đã nộp 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, số tiền này sẽ được trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường.

[17] Về án phí:

[18] Do chấp nhận một phần kháng cáo bà Dương Thị K, số tiền bị cáo phải bồi thường tăng lên. Do vậy số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu được xác định lại, cụ thể: Bị cáo phải bồi thường cho bà Dương Thị K, ông Nguyễn Văn S tổng số tiền là 235.788.000 đồng; bị cáo đã tự nguyện nộp trước ngày xét xử sơ thẩm là 51.000.000 đồng. Do đó theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23; khoản 2; khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền là 184.788.000 đồng. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 9.239.000 đồng.

[19] Kháng cáo của bà Dương Thị K về phần dân sự được chấp nhận, đồng thời thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà Dương Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; kháng cáo của ông Nguyễn Văn S về phần dân sự không được chấp nhận, nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí nên ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

[20] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Thị K; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2018/HS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1.1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 134; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn L 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích", thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/02/2018).

Giao bị cáo Trịnh Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Trịnh Văn L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

1.2. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 590; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Trịnh Văn L phải bồi thường cho bà Dương Thị K thiệt hại về sức khỏe với tổng số tiền là 233.400.000 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng). Được trừ đi số tiền bị cáo Trịnh Văn L đã bồi thường là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), gồm: 20.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0002055 ngày 24/10/2017; 20.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0002135 ngày 02/01/2018; 10.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0002140 ngày 19/01/2018; 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0002207 ngày 06/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Trịnh Văn L còn phải bồi thường tiếp cho bà Dương Thị K số tiền là 178.400.000 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Trịnh Văn L phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn S thiệt hại về sức khỏe với tổng số tiền là 2.388.000 đồng (hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng). Được trừ đi số tiền bị cáo Trịnh Văn L đã bồi thường là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo Biên lai thu số 0002141 ngày 19/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Trịnh Văn L còn phải bồi thường tiếp cho ông Nguyễn Văn S số tiền là 1.388.000 đồng (một triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Dương Thị K; ông Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải thi hành theo quyết định tại điểm 1.2 nêu trên, nếu bị cáo Trịnh Văn L chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ điểm g khoản 1; điểm e, h khoản 2 Điều 23; khoản 2, khoản 6 Điều 26; khoản 1, 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2.1. Bị cáo Trịnh Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.239.000 đồng (chín triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2.2. Bà Dương Thị K, ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- THADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trung Vân